TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ViỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/DS-ST
Ngày: 27/12/2017
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Hạnh
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Loan
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Ngày 27/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2017/QĐXXST- DS ngày 11/12/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị P- SN 1975 (có mặt)
Địa chỉ: đường L, Quảng X 2, Phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H - SN 1970 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Quảng X 1, Phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị P trình bày:

Chị và chị Nguyễn Thị Thu H là hàng xóm. Ngày 04/01/2015, chị H hỏi vay chị 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn). Giấy vay tiền chị H viết và ký tên, không thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận 05 tháng sau trả. Nhưng đến thời hạn, chị H không thực hiện việc trả tiền, sau đó chị H xin trả dần, mỗi tháng trả từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ. Từ ngày 06/8/2015 đến ngày 09/11/2016, chị H trả cho chị

16.000.000đ, số tiền còn lại 4.000.000đ chị đã nhiều lần yêu cầu chị H trả nhưng chị H vẫn cố tình không trả. Nay, chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, buộc chị H phải trả cho chị số tiền nợ gốc: 4.000.000đ + 1.590.000đ tiền lãi theo mức lãi suất 7,5%/ năm (0,63%/tháng) tính từ ngày 04/6/2015 đến ngày xét xử đối với số tiền chậm trả. Tổng cộng số tiền chị yêu cầu chị H phải trả cho chị là 5.590.000đ.

Theo bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Ngày 04/01/2015, chị có vay của chị P số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Chị có viết giấy vay tiền, ký tên. Tại giấy vay tiền ngày 04/01/2015, hai bên không thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận 05 tháng sau trả tiền. Từ ngày 06/8/2015 đến ngày 09/11/2016, chị đã trả cho chị P 16.000.000đ, còn nợ 4.000.000đ vì hoàn cảnh gia đình chị chưa trả được, khi nào có chị sẽ trả sau. Về yêu cầu tiền lãi của chị P, chị không đồng ý.

Tại phiên tòa, chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị H thanh toán số tiền nợ gốc: 4.000.000đ + tiền lãi: 1.590.000đ. Tổng nợ gốc và lãi là: 5.590.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự].

[*Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H].

[*Về yêu cầu số tiền nợ gốc*: Chị P yêu cầu chị H trả 4.000.000đ tiền gốc, chị H thừa nhận còn nợ chị P 4.000.000đ tiền nợ gốc. Đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị P, cần buộc chị H phải có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền nợ gốc 4.000.000đ].

[*Về yêu cầu tiền nợ lãi*: Tại giấy vay tiền ngày 04/01/2015 và quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thừa nhận không thỏa thuận lãi suất, chị H có hẹn 05 tháng sau trả tiền (thể hiện tại giấy vay tiền ngày 04/01/2015). Nhưng chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã hẹn, mãi đến ngày 06/8/2015 chị H mới trả 2.000.000đ, ngày 25/8/2015 trả 2.000.000đ, ngày 11/12/2015 trả 2.000.000đ, ngày 14/12/2015 trả 2.000.000đ, ngày 24/12/2015 trả 2.000.000đ, ngày 25/4/2016 trả 1.000.000đ, 1/6/2016 1.000.000đ, ngày 17/7/2016 trả 1.000.000đ, ngày 22/8/2016 trả 1.000.000đ,

ngày 26/9/2016 trả 1.000.000đ, ngày 09/11/2016 trả 1.000.000đ. Như vậy, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị H phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố, theo Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005. Chị P yêu cầu chị H trả số tiền lãi: 1.590.000đ, theo mức lãi suất 7,5%/ năm (0,63%/tháng) tính từ ngày 04/6/2015 đến ngày xét xử đối với số tiền chậm trả là tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, buộc chị H phải trả cho chị P tiền lãi như sau:

- Từ ngày 04/6/2015 đến ngày 05/8/2015: 61 ngày x 20.000.000đ x 0,63% : 30 = 256.200đ.

- Từ ngày 06/8/2015 đến ngày 24/8/2015: 18 ngày x 18.000.000đ x 0,63% : 30 = 68.040đ.

- Từ ngày 25/8/2015 đến ngày 10/12/2015: 105 ngày x 16.000.000đ x 0,63%: 30 = 359.520đ.

- Từ ngày 11/12/2015 đến ngày 13/12/2015: 03 ngày x 14.000.000đ x 0,63%: 30 = 5.880đ.

- Từ ngày 14/12/2015 đến ngày 23/12/2015: 10 ngày x 12.000.000đ x 0,63%: 30 = 22.680đ.

- Từ ngày 24/12/2015 đến ngày 24/4/2016: 120 ngày x 10.000.000đ x 0,63%: 30 = 256.000đ.

- Từ ngày 25/4/2016 đến ngày 30/5/2016: 35 ngày x 9.000.000đ x 0,63% : 30= 66.150đ.

- Từ ngày 01/6/2016 đến ngày 16/7/2016: 47 ngày x 8.000.000đ x 0,63%: 30 = 75.600đ.

- Từ ngày 17/7/2016 đến ngày 21/8/2016: 34 ngày x 7.000.000đ x 0,63%: 30= 51.450đ.

- Từ ngày 22/8/2016 đến ngày 25/9/2016: 33 ngày x 6.000.000đ x 0,63%: 30= 42.840đ.

- Từ ngày 26/9/2016 đến ngày 08/11/2016: 42 ngày x 5.000.000đx 0,63%: 30= 45.000đ.

- Từ ngày 09/11/2016 đến ngày 27/12/2017: 408 ngày x 4.000.000đx 0,63%: 30 = 346.920đ.

Tổng số tiền lãi: 1.590.000đ.

Tổng gốc và lãi là: 5.590.000đ.

[*Về án phí*: Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, chị H chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật].

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 271 ,khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 471, khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị P.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu H trả cho chị Lê Thị P số tiền nợ gốc: 4.000.000đ, tiền nợ lãi: 1.590.000đ. Tổng gốc và lãi là: 5.590.000đ (Năm triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được trả, nếu người phải thi hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Lê Thị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 255.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số 0004537 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Chị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Chị Hcó quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc từ ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.Thanh hóa;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hồ Thị Minh Hạnh